

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy
cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;
tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-HĐND-VHXXH ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai

nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh;

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn Ngân sách Nhà nước

a) Kinh phí hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí trong dự toán hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (kinh phí đảm bảo xã hội);

b) Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.

2. Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy).

3. Nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 4. Mức ngân sách Nhà nước hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Tiền ăn, tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu của học viên: Hỗ trợ 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cụ thể :

a) Tiền ăn: bằng 0,56 lần mức lương cơ sở/học viên/tháng;

b) Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân: bằng 0,63 lần mức lương cơ sở/học viên/lần cai nghiện.

2. Hỗ trợ 100% tiền chỗ ở cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 5. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (hoặc gia đình người nghiện ma túy) có trách nhiệm đóng góp chi phí



trong thời gian thực hiện hợp đồng cai nghiện ma túy với cơ sở cai nghiện ma túy công lập, bao gồm các khoản sau:

1. Tiền ăn của học viên: bằng 0,44 mức lương cơ sở/tháng.
2. Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân: bằng 0,37 mức lương cơ sở/lần cai nghiện.
3. Tiền thuốc điều trị bệnh thông thường: 50.000 đồng/học viên/tháng.
4. Tiền sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao: Mua dụng cụ thể thao, văn hóa, văn nghệ, mua sách báo, phục vụ vui chơi giải trí: 70.000 đồng/học viên/tháng.
5. Tiền điện, nước, vệ sinh
 - a) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng;
 - b) Tiền nước uống: 45.000 đồng/học viên/tháng;
 - c) Tiền vệ sinh, môi trường: 60.000 đồng/học viên/tháng.
6. Tiền đóng góp cơ sở vật chất: 200.000 đồng/học viên/tháng.
7. Chi phí phục vụ, quản lý
 - a) Chi hỗ trợ bổ sung cho cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ đối tượng cai nghiện tự nguyện: 100.000 đồng/học viên/tháng;
 - b) Chi tư vấn về tâm lý, xã hội và tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS: 50.000 đồng/buổi/học viên x 2 buổi/tháng = 100.000 đồng/học viên/tháng;
 - c) Chi văn phòng phẩm, in hồ sơ, sổ sách công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý học viên: 50.000 đồng/học viên/tháng;
 - d) Chi công tác lập hồ sơ, quản lý hồ sơ: 30.000 đồng/học viên/tháng;
 - đ) Chi công tác tuần tra ngoài giờ (ban đêm): 70.000 đồng/học viên/tháng;
 - e) Chi khác: phục vụ, hộ lý, tạp vụ...: 50.000 đồng/học viên/tháng.
8. Tiền học văn hóa, học nghề: thu theo mức quy định hiện hành (nếu bản thân học viên hoặc gia đình có nhu cầu đăng ký cho học viên học văn hóa, học nghề).

Điều 6. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật và có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Phước được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy là 500.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Hằng

